

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

To: State Securities Commission of Vietnam

1 Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát
Management Fund Company name: Vietnam Fortune Fund Management JSC
2 Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Supervising bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3 Tên Quỹ: QUỸ ETF VFCVN DIAMOND
Fund name: VFCVN DIAMOND ETF
4 Mã chứng khoán: FUETPVND
Securities symbol:
5 Kỳ báo cáo: Tuần từ 21/10/2026 đến 27/10/2026
(Reporting period): (period: from Oct 21st 2026 to Oct 27th 2026)
6 Ngày lập báo cáo: 28-10-26
(Reporting date): Wednesday, 28 October 2026

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD
		27-10-26	20-10-26
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund		
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	54,710,092,007	54,113,310,946
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	976,965,928	966,309,124
1.3		9,769.65	9,663.09
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund		
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	54,349,687,866	54,710,092,007
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	970,530,140	976,965,928
2.3		9,705.30	9,769.65
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	(360,404,141)	596,781,061
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	(360,404,141)	596,781,061
3.2	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period		
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period		
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	(64.35)	106.56
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	68,745,700,254	68,745,700,254
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	51,480,720,420	51,480,720,420
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết) Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ/ Number of fund certificates		
6.2	Tổng giá trị Total value of Fund Certificates		
6.3	Tỷ lệ sở hữu Foreign investors' ownership ratio		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	9,670	9,740
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	9,890	9,670
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	220	(70)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
4	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	184.70	-99.65
4	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) hoặc dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))	1.90%	-1.02%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest Market Value within latest 52 weeks		
5	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	12,280	12,280
5	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	9,670	9,670

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

CHI NHÁNH
HÀ THÀNH

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Vũ Minh Hồng
Phó Giám đốc phòng GD&DV Chứng Khoán

Đại diện tổng bộ thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management

CÔNG TY
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ
Nguyễn Thị Lê Quyên

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT
CÁT

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=
Quận Hai Bà Trưng, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST-010263655
Reason: I am the author of
this document